

# ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN CHÍNH QUY KHỐI NGÀNH KINH TẾ - KỸ THUẬT, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Đỗ Thị Mẫn<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

*Thông qua kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM), từ mẫu khảo sát 500 sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật, Trường Đại học Hồng Đức cho thấy, bảy nhân tố đề xuất đều ảnh hưởng cùng chiều đến kết quả học tập (KQHT) của sinh viên. Trong đó, phương pháp học tập của sinh viên là nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến KQHT, tiếp đến là ảnh hưởng của các nhân tố động cơ học tập; phương pháp giảng dạy của giảng viên; cơ sở vật chất của Nhà trường; chương trình đào tạo; các yếu tố hỗ trợ và gia đình - xã hội. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng ảnh hưởng của các nhân tố đến KQHT của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế và khối ngành Kỹ thuật có sự khác nhau. Ảnh hưởng của các nhân tố đến KQHT của sinh viên từng khoá đào tạo cũng khác nhau.*

**Từ khoá:** *Kết quả học tập, khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật, sinh viên chính quy, Trường Đại học Hồng Đức.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kết quả học tập (KQHT) là một trong những thước đo phản ánh năng lực học tập và nghiên cứu của người học, cũng như năng lực giảng dạy của giảng viên trong các trường đại học. Đây cũng chính là tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng đầu ra của người học [1]. Chính vì vậy, KQHT của sinh viên là một tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng đào tạo, cũng như giá trị cả quá trình học tập lâu dài của sinh viên. Bên cạnh đó, KQHT có ảnh hưởng lớn đến nghề nghiệp tương lai của sinh viên, là một trong những tiêu chí quan trọng để nhà tuyển dụng làm căn cứ để tuyển dụng lao động tại bất kỳ tổ chức nào. Như vậy, KQHT không chỉ là mục tiêu quan trọng hàng đầu của người học, mà còn là chủ đề thu hút sự quan tâm đặc biệt của các nhà giáo dục và cơ sở giáo dục, đào tạo. Tuy nhiên, trong thực tế việc đạt được kết quả cao hay sự thành công trong học tập của sinh viên là không dễ thực hiện, bởi vì KQHT là một đại lượng phụ thuộc vào nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài của người học [2]. Vì thế, từ lâu các nhà giáo dục và các nhà nghiên cứu đã quan tâm đến việc xác định các yếu tố đóng góp vào sự thành công của người học. Các nghiên cứu về ảnh hưởng của các yếu tố đến KQHT của sinh viên, đã giúp cho các nhà quản lý và các nhà giáo có được những giải pháp phù hợp, cải thiện tình hình học tập cho người học.

Trường Đại học Hồng Đức là nơi cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, gồm các khối ngành: Sư phạm, Kinh tế, Kỹ thuật và Nông - Lâm - Ngư nghiệp phục vụ nhu cầu

<sup>1</sup> Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Hồng Đức; Email: dothiman@hdu.edu.vn

phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá, trong đó sinh viên khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật có những đặc thù riêng, đòi hỏi sự thích ứng, sáng tạo cao. Ngoài kiến thức chuyên môn, sinh viên cần đáp ứng các yêu cầu về kỹ năng số, ngoại ngữ và các kỹ năng mềm khác, tất cả những điều này cần được trang bị ngay trên giảng đường đại học. Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển đổi số hiện nay, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi và xuất sắc thuộc khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật đang được săn đón khá nhiều bởi các công ty lớn với mức thu nhập tốt. Tuy nhiên, những năm gần đây, tỷ lệ sinh viên chưa đủ điều kiện xét tốt nghiệp đúng hạn của khối ngành này trong Nhà trường cũng khá cao, đặc biệt là sinh viên chính quy. Trong năm học 2022 - 2023, theo thống kê của Phòng Giáo dục Chính trị và Công tác Học sinh Sinh viên, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn so với số tuyển vào của khối ngành này là 81,5%. Số lượng sinh viên ra trường chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng còn nhiều. Thực trạng này, đòi hỏi các Khoa và Nhà trường phải có những giải pháp cụ thể để nâng cao kết quả học tập của sinh viên cũng như thương hiệu của Nhà trường. Vì vậy, bài viết này sẽ tập trung nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố đến KQHT của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật, Trường Đại học Hồng Đức nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến KQHT của sinh viên chính quy trong khối ngành trên, từ đó đề xuất những kiến nghị nhằm góp phần nâng cao KQHT của sinh viên cũng như cải thiện chất lượng dạy và học của Nhà trường.

## 2. TỔNG QUAN, MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Kết quả học tập của sinh viên

KQHT của sinh viên phản ánh quá trình học tập, rèn luyện của sinh viên trên giảng đường đại học [1]. Theo quan niệm này, KQHT của sinh viên được đánh giá thông qua điểm tích lũy. Tương tự, Nguyễn Thùy Dung và cộng sự (2017), Biện Chứng Học (2013) đều nghiên cứu trên cơ sở đánh giá KQHT của sinh viên thông qua điểm trung bình chung học tập [2][3]. Trong khi đó, Đinh Thị Hóa và cộng sự (2018) cho rằng KQHT là đánh giá tổng quát của chính sinh viên về kiến thức và kỹ năng họ thu nhận được trong quá trình học tập các môn học cụ thể tại trường [4]. Cách đánh giá này cũng được đề cập tới trong nghiên cứu của Võ Thị Tâm (2010), theo đó KQHT là kiến thức, kỹ năng thu nhận được của sinh viên. KQHT là mục tiêu quan trọng nhất của các trường đại học cũng như của sinh viên [6]. Trong nghiên cứu này, KQHT được chính sinh viên đánh giá về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà họ lĩnh hội được trong quá trình học tập.

### 2.2. Nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên

Nghiên cứu của Dickie (1999) cho rằng các yếu tố: (1) đặc trưng gia đình, (2) nguồn lực của nhà trường, (3) đặc điểm của người học, (4) năng lực cá nhân có tác động đến KQHT của người học [10]. Checchi và cộng sự (2000) lại cho rằng, KQHT được tác động bởi các yếu tố: (1) điều kiện gia đình đại diện là thu nhập của gia đình, (2) số tiền đầu tư vào giáo dục cho con cái, (3) đặc điểm của sinh viên đại diện là trí thông minh, (4) mức độ cố gắng của người học [9]. Theo Bratti và Staffolani (2002), KQHT của sinh viên chủ yếu được xác định

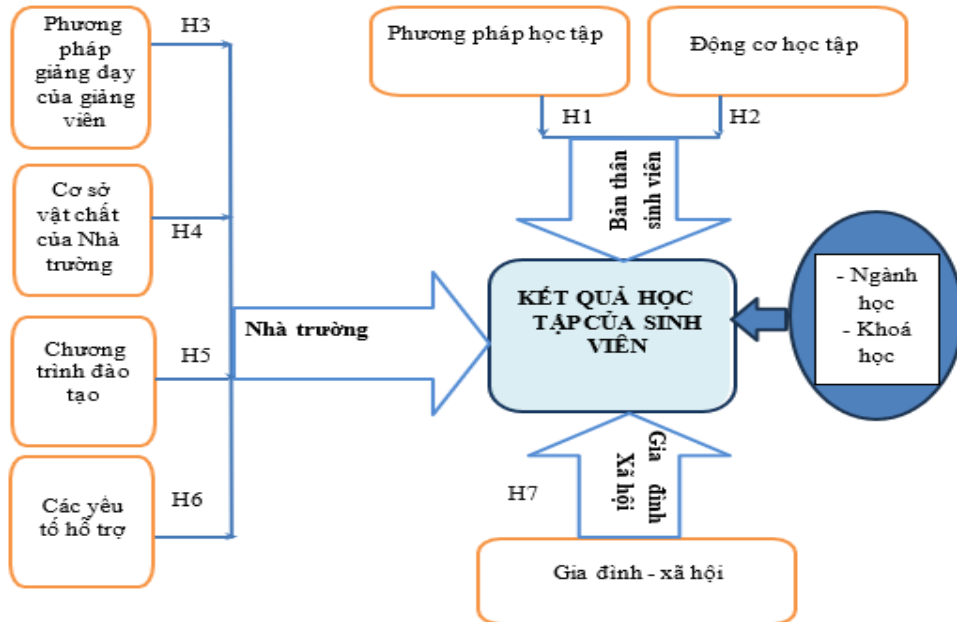
bởi thái độ học tập của sinh viên, bởi vì sự phân bổ thời gian cho việc học tùy thuộc vào quyết định của họ [8]. Do đó, KQHT của sinh viên phần lớn phụ thuộc vào thái độ học tập của họ. Ko Jang Wan và cộng sự (2016) đã kết luận có mối quan hệ giữa KQHT của sinh viên và các yếu tố liên quan đến những kết quả này, bao gồm: môi trường đại học, sự tham gia của lớp học, sự tương tác giữa giảng viên, sinh viên và sự kết hợp của các kinh nghiệm cá nhân [11].

Tại Việt Nam, Võ Thị Tâm (2010) đã kết luận các yếu tố động cơ học tập, kiên định học tập, cạnh tranh học tập, ấn tượng của sinh viên với trường đại học và phương pháp học tập giải thích gần 50% sự thay đổi trong KQHT của sinh viên chính quy Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó phương pháp học tập là nhân tố tác động lớn nhất [6]. Biện Chứng Học (2015) đã chỉ ra rằng có tất cả 09 yếu tố ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên và mức độ tác động của từng yếu tố lên KQHT của sinh viên được thể hiện từ mạnh đến yếu cụ thể như sau: (1) phương pháp học tập của sinh viên, (2) khu vực đào tạo, (3) thời gian tự học của sinh viên, (4) phương pháp sư phạm của giảng viên, (5) sự quan tâm của gia đình, (6) giới tính của sinh viên, (7) tham gia các hoạt động xã hội, (8) thể chất của sinh viên và (9) số năm học đại học của sinh viên [3]. Nguyễn Thu An và cộng sự (2016) đã chỉ ra hai nhóm nhân tố ảnh hưởng thuận chiều đến KQHT của sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai là nhân tố thuộc bản thân sinh viên và nhân tố thuộc về năng lực giảng viên. Trong đó, nhân tố thuộc về sinh viên bao gồm kiến thức đạt được sau khi học, động cơ học tập, tính chủ động của sinh viên có ảnh hưởng đến KQHT cao hơn nhân tố thuộc về năng lực giảng viên [1]. Một nghiên cứu khác của Võ Văn Việt và Đặng Thị Thu Phương (2017) cũng đã chỉ ra có 7 nhân tố có ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên, đó là: năng lực trí tuệ, sở thích học tập (bản thân sinh viên), động cơ của ba mẹ (gia đình), cơ sở vật chất, học bổng (nhà trường), áp lực bạn bè cùng trang lứa, áp lực xã hội (xã hội), trong đó các yếu tố thuộc về bản thân sinh viên có tác động lớn nhất đến KQHT, tiếp theo là các nhân tố thuộc về Nhà trường, các yếu tố thuộc về gia đình và cuối cùng là các yếu tố thuộc về xã hội [7]. Đinh Thị Hóa và cộng sự (2018) cũng đã có một nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên tại Trường Đại học Đồng Nai, nghiên cứu đã chỉ ra có 8 nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên, bao gồm: tương tác lớp học, phương pháp học tập, kiên định học tập, động cơ học tập, bạn bè, cơ sở vật chất, ấn tượng trường học, kiến thức và cách tổ chức môn học của giảng viên [4]. Gần đây, Nguyễn Mạnh Hùng và cộng sự (2020) cũng đã cho thấy KQHT của sinh viên chính quy Trường Đại học Huế chịu ảnh hưởng của những yếu tố như: điểm tuyển sinh đầu vào, giới tính, khoa đào tạo, khóa học và nơi thường trú của sinh viên [5].

### 2.3. Mô hình và các giả thuyết nghiên cứu

Từ tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước ở trên, có thể thấy rằng KQHT của sinh viên chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sẽ xác định các nhân tố phù hợp với bối cảnh Trường Đại học Hồng Đức có ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên chính quy thuộc khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật, bao gồm nhóm nhân tố thuộc về bản thân sinh viên, gồm phương pháp học tập của sinh viên (PPHT) và động cơ học tập (DC); nhóm nhân tố thuộc về Nhà trường, gồm các phương pháp giảng dạy của

giảng viên (PPGV), cơ sở vật chất của Nhà trường (CSVC), chương trình đào tạo (CTDT) và các yếu tố hỗ trợ (YTHT) và nhóm nhân tố thuộc về gia đình - xã hội (GDXH). Trong đó, nhân tố GDXH gồm 6 biến quan sát, nhân tố DC có 4 biến quan sát, và các nhân tố còn lại được xây dựng với 5 biến quan sát. Mô hình nghiên cứu đề xuất và giả thuyết nghiên cứu như sau:



**Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất**

*Các giả thuyết nghiên cứu*

- Giả thuyết H1: Phương pháp học tập có tác động tích cực đến KQHT của sinh viên.
- Giả thuyết H2: Động cơ học tập có tác động tích cực đến KQHT của sinh viên
- Giả thuyết H3: Phương pháp giảng dạy tích cực của giảng viên có ảnh hưởng thuận chiều đến KQHT của sinh viên.
- Giả thuyết H4: Cơ sở vật chất có tác động tích cực đến KQHT của sinh viên.
- Giả thuyết H5: Chương trình đào tạo có tác động tích cực đến KQHT của sinh viên.
- Giả thuyết H6: Các yếu tố hỗ trợ có tác động tích cực đến KQHT của sinh viên.
- Giả thuyết H7: Gia đình - xã hội có tác động tích cực đến KQHT của sinh viên.

**2.4. Phương pháp nghiên cứu**

*2.4.1. Phương pháp nghiên cứu và phân tích dữ liệu nghiên cứu*

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng có kết hợp định tính. Nghiên cứu định tính thực hiện qua phương pháp phỏng vấn sâu 6 chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục (gồm 2 cán bộ quản lý, 2 giảng viên và 2 cố vấn học tập) và thảo luận nhóm với 10 sinh viên để khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên và điều chỉnh thang đo của các nhân tố cho phù hợp. Nghiên cứu định lượng được thực hiện bằng việc phát phiếu khảo sát tới sinh viên chính quy các lớp của khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật theo phương pháp ngẫu

nhiên theo tổ (theo khoá sinh viên). Số liệu sau khi thu thập sẽ được xử lý và phân tích theo quy trình nghiên cứu định lượng gồm kiểm định độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá, phân tích nhân tố khẳng định và phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM).

#### 2.4.2. Phương pháp chọn mẫu thu thập dữ liệu sơ cấp

Bài viết đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố đến KQHT của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật, Trường Đại học Hồng Đức, thông qua mô hình cấu trúc tuyến tính SEM. Trong phân tích mô hình SEM, theo Hair và cộng sự (2010), kích thước mẫu được xác định dựa trên các nhóm nhân tố, cụ thể: Nếu số cấu trúc tiềm ẩn từ 5 nhóm trở xuống (mỗi nhóm có từ 3 quan sát trở lên) thì cần kích thước mẫu tối thiểu là 100; từ 7 nhóm trở xuống (với hệ số đại diện communality  $\geq 0,5$ ), kích thước mẫu tối thiểu phải đạt 150; từ 7 nhóm trở xuống (với hệ số communality  $\geq 0,45$ ), kích thước mẫu tối thiểu là 300. Trong nghiên cứu này, mô hình đề xuất với 7 nhóm cấu trúc, mỗi cấu trúc đều nhiều hơn 3 biến quan sát, do đó số mẫu tối thiểu cần phải đạt là 300 mẫu. Như vậy, để đảm bảo khách quan, tin cậy, trong nghiên cứu này chúng tôi lựa chọn mẫu nghiên cứu định lượng chính thức là 500 phiếu.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Tổng 500 phiếu khảo sát phát ra, kết quả thu về là 486 phiếu, trong đó có 465 phiếu hợp lệ và 21 phiếu không hợp lệ. Số phiếu hợp lệ là 465 phiếu được nhóm nghiên cứu sử dụng để phân tích dữ liệu chính thức, mẫu này đồng thời cũng thoả mãn yêu cầu của phân tích nhân tố khám phá (EFA) và nhân tố khẳng định (CFA).

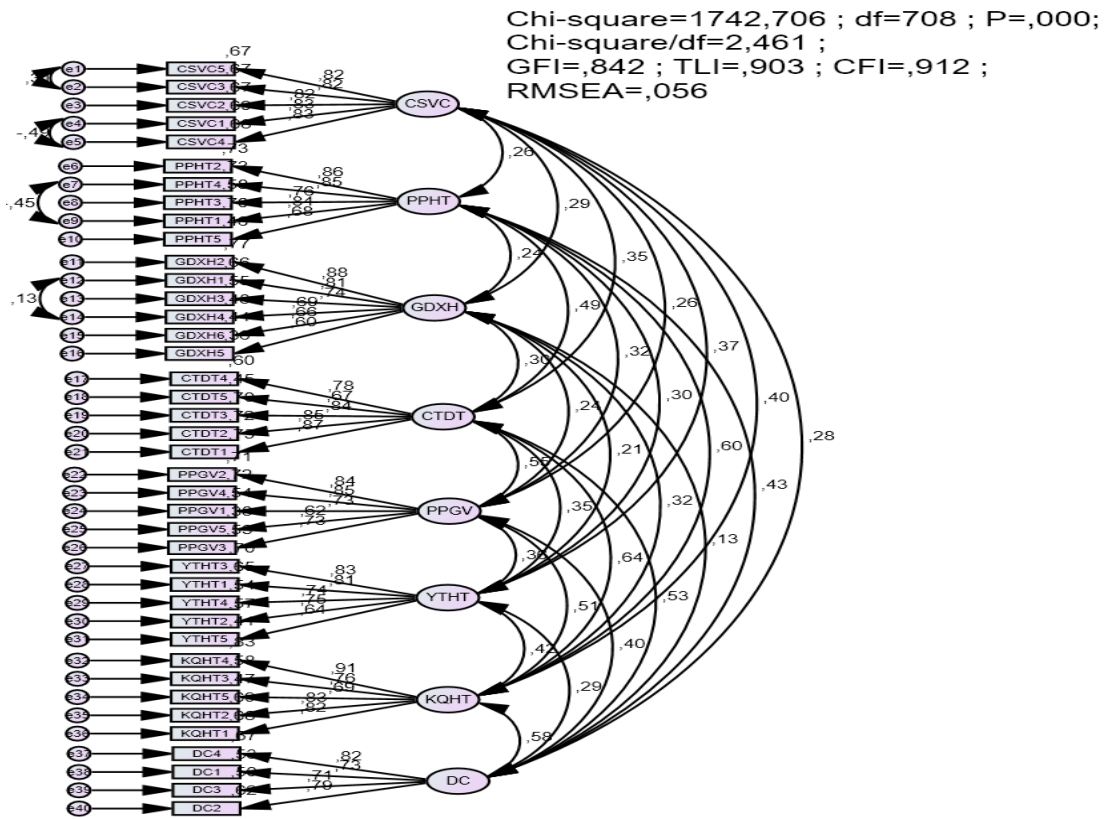
#### 3.1. Kết quả đánh giá độ tin cậy của các thang đo và phân tích nhân tố khám phá

Thang đo được kiểm định độ tin cậy bằng công cụ Cronbach's Alpha. Các biến quan sát có hệ số tương quan biến - tổng (item-total correlation) nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại và tiêu chuẩn chọn thang đo khi Cronbach's Alpha từ 0,6 trở lên [12]. Theo kết quả nghiên cứu, các thang đo của mô hình nghiên cứu đều có hệ số Cronbach's Alpha cao ( $> 0,8$ ). Tất cả các biến quan sát của thang đo đều có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3. Vì vậy, thang đo đều đạt yêu cầu, do đó đủ điều kiện để phân tích nhân tố khám phá.

Kết quả phân tích EFA cho thấy, chỉ số KMO là 0,899 ( $> 0,5$ ); phương sai trích bằng 62,35 % ( $> 50\%$ ), điều này có nghĩa: 8 nhân tố này giải thích được 62,35 biến thiên của dữ liệu; điểm dừng trong phân tích nhân tố EFA bằng 1,404  $> 1$ ; kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (Sig. $< 0,05$ ). Do đó, có thể kết luận các chỉ số trong nghiên cứu đạt tiêu chuẩn phân tích EFA.

#### 3.2. Kết quả phân tích nhân tố khẳng định (CFA)

Phân tích nhân tố khẳng định (CFA) để đánh giá mô hình và thang đo có thích hợp để kiểm định mô hình cấu trúc tuyến tính SEM hay không. Kết quả phân tích CFA chuẩn hóa cho thấy các chỉ tiêu đo lường là phù hợp: giá trị Chi-square/df = 2,461  $< 3$ ; TLI = 0,903  $> 0,9$ , CFI = 0,912  $> 0,9$ , GFI = 0,842  $> 0,8$ ; hệ số RMSEA = 0,056  $< 0,08$ . Vì thế, mô hình có sự phù hợp với tổng thể. Như vậy có thể khẳng định các thang đo nghiên cứu đảm bảo các yêu cầu phân tích (Hình 2).



(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát của tác giả)

Hình 2. Kết quả CFA mô hình nghiên cứu (đã chuẩn hóa)

### 3.3. Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả học tập của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật qua mô hình SEM

#### 3.3.1. Kết quả kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

Kết quả kiểm định mô hình SEM cho 7 giả thuyết của mô hình được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Kết quả kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	Mối quan hệ	Hệ số chưa chuẩn hóa	Hệ số chuẩn hóa	Sai số chuẩn (S.E)	Giá trị tới hạn (CR)	Giá trị P	Kết quả	Thứ tự tác động
H1	KQHT <-- PPHT	0,306	0,288	0,045	6,728	0,000	Chấp nhận	1
H2	KQHT <-- DC	0,245	0,223	0,052	4,756	0,000	Chấp nhận	2
H3	KQHT <-- PPGV	0,133	0,133	0,045	2,938	0,003	Chấp nhận	4
H4	KQHT <-- CSVC	0,112	0,096	0,044	2,525	0,012	Chấp nhận	5
H5	KQHT <-- GDXH	0,071	0,076	0,036	1,972	0,049	Chấp nhận	7
H6	KQHT <-- CTDI	0,230	0,211	0,057	4,023	0,000	Chấp nhận	3
H7	KQHT <-- YTHI	0,094	0,095	0,041	2,300	0,021	Chấp nhận	6

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát của tác giả)

Kết quả bảng 1 cho thấy, các giả thuyết nghiên cứu đều được chấp nhận (giá trị của P đều nhỏ hơn 0,05), tức là các biến: phương pháp học tập; động cơ học tập; phương pháp giảng dạy của giảng viên; cơ sở vật chất của Nhà trường; chương trình đào tạo và các yếu tố hỗ trợ đều có tác động tích cực đến kết quả học tập của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật. Trong đó: biến phương pháp học tập của sinh viên (PPHT), và động cơ học tập (DC) là những biến có tác động mạnh nhất; tiếp đến là các yếu tố: phương pháp giảng dạy của giảng viên (PPGV); chương trình đào tạo (CTĐT), cơ sở vật chất của Nhà trường (CSVC); các yếu tố hỗ trợ (YTHT), gia đình - xã hội (GDXH).

### 3.3.2. Ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả học tập theo khoá sinh viên

Kết quả phân tích sai biệt giữa hai mô hình bất biến và khả biến cho Chi-square = 373,8, bậc tự do Df = 117, giá trị p = 0,000 < 0,05 nên bác bỏ Ho, chấp nhận giả thuyết có sự khác biệt giữa mô hình khả biến và mô hình bất biến. Do đó, mô hình khả biến được chọn vì nó có độ tương thích cao hơn với dữ liệu tổng thể so với mô hình bất biến.

**Bảng 2. Kết quả phân tích hệ số hồi quy của mô hình khả biến trong phân tích cấu trúc đa nhóm theo khóa học của sinh viên**

Mối quan hệ			Mô hình khả biến							
			K22		K23		K24		K25	
			Giá trị ước lượng	Xác suất (P)	Giá trị ước lượng	Xác suất (P)	Giá trị ước lượng	Xác suất (P)	Giá trị ước lượng	Xác suất (P)
KQHT	<--	CSVC	0,116	0,446	0,329	0,012	0,214	0,000	0,099	0,154
KQHT	<--	PPHT	0,312	0,011	0,321	0,001	0,279	0,000	0,118	0,177
KQHT	<--	GDXH	0,336	0,132	-0,121	0,436	0,032	0,000	0,042	0,287
KQHT	<--	CTĐT	0,140	0,038	0,181	0,323	0,208	0,025	0,310	0,001
KQHT	<--	PPGV	0,432	0,278	0,235	0,008	-0,018	0,718	0,048	0,549
KQHT	<--	YTHT	0,098	0,709	-0,062	0,623	0,165	0,001	0,258	0,000
KQHT	<--	DC	0,388	0,005	0,135	0,048	0,476	0,000	0,459	0,000

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ phân tích số liệu khảo sát)

Kết quả bảng 2 cho thấy, mối quan hệ giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc (KQHT) trong mô hình nghiên cứu chịu tác động bởi khoá đào tạo. Mức độ tác động của các yếu tố trong mô hình tới KQHT của sinh viên đối với từng khoá đào tạo cũng có sự khác nhau. Cụ thể cho thấy: với độ tin cậy 95%, KQHT của sinh viên bị ảnh hưởng lớn bởi động cơ học tập đối với tất cả các khoá đào tạo, trong đó động cơ học tập ảnh hưởng lớn nhất đến KQHT đối sinh viên K24, K25. Phương pháp học tập của sinh viên ảnh hưởng đến KQHT đối với sinh viên K22, K23 và K24, trong khi đó chương trình đào tạo ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên K22, K24 và K25; phương pháp giảng dạy của giảng viên chỉ ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên K23; cơ sở vật chất chỉ ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên K23 và K24; các yếu tố hỗ trợ chỉ ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên K24, K25; yếu tố gia đình - xã hội chỉ ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên K24.

### 3.3.3. Ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả học tập theo ngành đào tạo

Kết quả phân tích sai biệt giữa hai mô hình bất biến và khả biến theo ngành đào tạo cũng cho thấy, mô hình khả biến được chọn vì nó có độ tương thích cao hơn với dữ liệu tổng thể so với mô hình bất biến (Chi-square = 145,779, bậc tự do Df = 99,  $p = 0,000 < 0,05$ ). Ảnh hưởng giữa các nhân tố trong mô hình đến KQHT của sinh viên theo ngành học thể hiện trong bảng 3.

**Bảng 3. Kết quả phân tích hệ số hồi quy của mô hình khả biến trong phân tích cấu trúc đa nhóm theo ngành học của sinh viên**

Mối quan hệ			Mô hình Khả biến			
			Giá trị ước lượng	Xác suất (P)	Giá trị ước lượng	Xác suất (P)
KQHT	<---	CSVC	0,164	0,000	0,104	0,285
KQHT	<---	PPHT	0,319	0,000	0,219	0,012
KQHT	<---	GDXH	0,122	0,002	0,026	0,746
KQHT	<---	CTDT	0,105	0,086	0,112	0,000
KQHT	<---	PPGV	0,139	0,004	0,066	0,032
KQHT	<---	YTHT	0,087	0,048	-0,041	0,619
KQHT	<---	DC	0,288	0,000	0,065	0,019

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ phân tích số liệu khảo sát)

Kết quả bảng 3 cho thấy, ảnh hưởng của các yếu tố trong mô hình tới KQHT của sinh viên đối với từng ngành học cũng có sự khác nhau. Cụ thể: với độ tin cậy 95%, KQHT của sinh viên ngành Kinh tế chịu ảnh hưởng bởi tất cả các nhân tố, trừ chương trình đào tạo ảnh hưởng đến KQHT với độ tin cậy 90%, trong đó ảnh hưởng lớn nhất là phương pháp học tập và tiếp đến là động cơ học tập. Trong khi đó đối với sinh viên chính quy khối ngành Kỹ thuật thì phương pháp học tập cũng là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến KQHT của sinh viên, tiếp đến là chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy của giảng viên và thứ 4 là động cơ học tập. Cơ sở vật chất, yếu tố gia đình - xã hội và các yếu tố hỗ trợ không có ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên chính quy khối ngành Kỹ thuật.

### 3.4. Một số kiến nghị đối với Trường Đại học Hồng Đức

Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị đối với Trường Đại học Hồng Đức nhằm nâng cao KQHT của sinh viên như sau:

*Thứ nhất*, về phương pháp học tập của sinh viên, Nhà trường và giảng viên cần giới thiệu cho sinh viên phương pháp học tập phù hợp với từng học phần, từng ngành học. Sinh viên phải kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà, trên thư viện. Khi học tập trên lớp cần tăng cường tương tác với giảng viên và bạn bè, ghi bài đầy đủ và hoàn thành các bài tập, các tình huống thực hành, thảo luận.

*Thứ hai*, giảng viên cần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường các phương pháp thảo luận nhóm, cinema để giúp sinh viên trau dồi kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc theo đội, nhóm. Tăng cường nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng giao tiếp của giảng viên để có thể áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, giúp phát huy được tính chủ động, sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.



*Thứ ba*, về chương trình đào tạo, thông qua việc chỉnh sửa các chương trình đào tạo hàng năm, Nhà trường cần yêu cầu các khoa, bộ môn tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên trong chương trình đào tạo bằng việc tăng thời lượng các giờ học thực hành, thực tế; liên kết với các doanh nghiệp cho sinh viên đi tham quan, thực tập công việc thực tế; điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng thích ứng sự thay đổi của nền kinh tế số và đổi mới sáng tạo để sinh viên có thể linh hoạt được những kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

Nhà trường cần đầu tư mua sắm thêm các máy vi tính mới đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của sinh viên, nâng cấp các thiết bị, đường truyền mạng tại các phòng học, phòng máy, thư viện tạo điều kiện cho sinh viên học tập và tra cứu các tài liệu hỗ trợ việc học. Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị thường xuyên kiểm tra, kịp thời sửa chữa các trang thiết bị như đèn điện, quạt, máy tính, máy chiếu, loa, micro tại các phòng học, khu giảng đường.

#### 4. KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy có bảy nhân tố ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật, Trường Đại học Hồng Đức. Trong đó, phương pháp học tập của sinh viên là nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến KQHT, tiếp đến là ảnh hưởng của các nhân tố: động cơ học tập; phương pháp giảng dạy của giảng viên; cơ sở vật chất của nhà trường; chương trình đào tạo; các yếu tố hỗ trợ và gia đình - xã hội. Kết quả cũng cho thấy, cả bảy nhân tố này đều có ảnh hưởng cùng chiều đến KQHT của sinh viên. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng ảnh hưởng của các nhân tố đến KQHT của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế và khối ngành Kỹ thuật là có sự khác nhau. Ảnh hưởng của các nhân tố đến KQHT của sinh viên từng khoá đào tạo cũng khác nhau.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Thu An và cộng sự (2016), *Những nhân tố ảnh hưởng kết quả học tập của sinh viên năm I - II Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, tr.82-89.
- [2] Nguyễn Thùy Dung, Hoàng Thị Kim Oanh, Lê Đình Hải (2017), *Thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh Trường Đại học Lâm nghiệp*, Tạp chí Khoa học Công nghệ Lâm nghiệp, (10):134-141.
- [3] Biện Chứng Học (2015), *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên hệ vừa làm vừa học trường Đại Học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Mở, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Đinh Thị Hóa, Hoàng Thị Ngọc Diệp, Lê Thị Kim Tuyên (2018), *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên khoa kinh tế trường Đại học Đồng Nai*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đồng Nai, (11):18-29.
- [5] Nguyễn Mạnh Hùng, Hoàng Thị Kim Thoa, Nguyễn Thanh Thiện, Phan Thị Bích Hạnh (2020), *Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế*, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, 129(6C):137-150; DOI: 10.26459/ hueuni-jssh.v129i6C.5678.

- [6] Võ Thị Tâm (2010), *Các yếu tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên chính quy Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sỹ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Võ Văn Việt, Đặng Thị Thu Phương (2017), *Các nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Nghiên cứu Giáo dục, 33(3):27-34.
- [8] Bratti, M. and Staffolani, S., (2002), *Student Time Allocation and Educational Production Functions*, Conference paper at the XIV annual EALE conference.
- [9] Checchi, D., Franzoni, F., Ichino, A. and Rustichini, A. (2000), *College Choice and Academic Performance*, <http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.718.6780&rep=rep1&type=pdf>, ngày truy cập 5/11/2022,
- [10] Dickie, M. (1999), *Family Inputs, School Quality and Educational Achievement: A Household Production Approach*, Working paper, 112-124.
- [11] Ko Jang Wan, Sume Park, Hyun Sook Yu, Seon-joo Kim and Dong Min Kim (2016), *The Structural Relationship Between Student Engagement and Learning Outcomes in Korea*, The Asia - Pacific Education Researcher, 25(1):147-157.
- [12] Nunnally, J.C., Bernstein, I.H. (1994), *The Assessment of Reliability*, Psychometric Theory, (3):248-292.

## INFLUENTIAL OF FACTORS ON LEARNING OUTCOMES OF FULL-TIME STUDENTS IN ECONOMIC AND TECHNICAL SECTOR, HONG DUC UNIVERSITY

Do Thi Man

### ABSTRACT

*The article focuses on studying the influential factors on the learning outcomes of full-time students in Economic and Technical Sector, Hong Duc University through the results of structural equation modeling (SEM) analysis, based on primary data from a survey of 500 students. The research results show that there are seven factors affecting the learning outcomes of students. In which, students' learning methods are the factors that have the greatest influence on learning outcomes, followed by the influence of the following factors: Learning motivation; Lecturer's teaching methods; School facilities; Education program; Support factors and Family - society factors. The results also show that all seven factors have the positive influence on students' learning outcomes. Besides, the research results also indicate that the impacts of influential factors on the learning outcomes of full-time students majoring in economics and engineering are different. The influence of factors on students' learning outcomes for each training course is also different.*

**Keywords:** *Learning outcomes, economic and technical sector, full-time students, Hong Duc University.*

\* Ngày nộp bài: 19/5/2023; Ngày gửi phản biện: 31/5/2023; Ngày duyệt đăng: 13/6/2024